

THỐNG KÊ TOP 10 ĐIỂM THI CÁC KHỐI A-A1-B-D-C

STT	Lớp 12	Họ và tên	Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GDCD	Ngoại ngữ	A T-L-H	A1 T-L-A	B T-H-S	D T-V-A	C V-S-D
TOP 10 KHỐI A (T-L-H)																
1	12A3	TRẦN TRỌNG NGHĨA	8,8	8	8,5	9	6,5				8,80	26,3	26,10	24,3	25,6	
2	12A2	HÀ LÊ THỦY TRANG	9,6	7	8,5	8	4,75				5,20	26,1	23,30	22,35	21,8	
3	12A3	TRẦN LÂM DOANH	8,4	7,75	8,25	9,25	5,75				8,40	25,9	25,05	23,4	24,55	
4	12A3	PHẠM VŨ HOÀNG NGÂN	8,4	6,75	8	9,5	5,25				8,80	25,9	25,20	23,15	23,95	
5	12A3	HỒ PHÚ THỊNH	8,4	8	9,5	8	6,75				7,00	25,9	24,90	23,15	23,4	
6	12A2	HỒ HOÀNG GIA BẢO	8,6	7,5	9,25	8	6,25				9,40	25,85	27,25	22,85	25,5	
7	12A11	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHOA	8,8	6,5	8,75	8,25	6				7,40	25,8	24,95	23,05	22,7	
8	12A3	NGUYỄN PHƯỚC SANG	9	7	7,75	9	8,5				6,60	25,75	23,35	26,5	22,6	
9	12A10	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	8,4	4,75	8,25	9	4				6,40	25,65	23,05	21,4	19,55	
10	12A1	MAI HOÀNG GIA BẢO	8,6	6,25	8,75	8,25	3,75				7,80	25,6	25,15	20,6	22,65	
11	12A3	HUỲNH NGUYỄN UYÊN NHÌ	8,6	7,75	8,75	8,25	6,75				9,00	25,6	26,35	23,6	25,35	
TOP 10 KHỐI A1 (T-L-A)																
1	12A3	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	8,4	8,25	9,25	6,5	4,75				9,60	24,15	27,25	19,65	26,25	
2	12A2	HÀ TẤN ĐẠT	8,6	8,5	9,25	6,25	6				9,40	24,10	27,25	20,85	26,5	
3	12A2	HỒ HOÀNG GIA BẢO	8,6	7,5	9,25	8	6,25				9,40	25,85	27,25	22,85	25,5	
4	12A3	THÁN THỊ MINH THU	8,8	7	9	7,75	5,25				9,20	25,55	27,00	21,8	25	
5	12A4	LÊ HOÀNG XUÂN DIỆU	8,4	6,5	8,5	6	4,75				9,80	22,90	26,70	19,15	24,7	
6	12A10	NÌM TIẾN ĐẠT	9	5	8,25	4,25	6,75				9,40	21,50	26,65	20	23,4	
7	12A2	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	7,8	7,5	9,25	8,5	7,75				9,40	25,55	26,45	24,05	24,7	
8	12A3	HUỲNH NGUYỄN UYÊN NHÌ	8,6	7,75	8,75	8,25	6,75				9,00	25,60	26,35	23,6	25,35	
9	12A7	KIỀU LÊ TRỌNG TUYẾN	8,8	6	9,25	6	6,5				8,20	24,05	26,25	21,3	23	
10	12A3	PHAN LÊ GIANG	8,8	6,58	8,25	7	6,75				9,20	24,05	26,25	22,55	24,58	
11	12A5	CAO CÁC TƯỜNG	8,6	8,25	8,25	7,75	6,5				9,40	24,60	26,25	22,85	26,25	
TOP 10 KHỐI B (T-H-S)																
1	12A2	LÊ NGUYỄN NGỌC THẢO	9,2	7,75	7	8,75	9				8,80	24,95	25,00	26,95	25,75	
2	12A2	LÊ NGUYỄN NGỌC THANH	8,8	6,5	6	8,75	9				8,40	23,55	23,20	26,55	23,7	
3	12A3	NGUYỄN PHƯỚC SANG	9	7	7,75	9	8,5				6,60	25,75	23,35	26,5	22,6	
4	12A3	NGUYỄN DUY THỦY TÙNG	8,2	8,25	6,5	8,75	9				8,00	23,45	22,70	25,95	24,45	
5	12A1	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	9	7,75	7,5	8,75	8				7,60	25,25	24,10	25,75	24,35	
6	12A12	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	8	6	6	8,75	9				6,20	22,75	20,20	25,75	20,2	
7	12A2	TRẦN YẾN VY	8,8	8,5	7,25	8,25	8,5				6,60	24,3	22,65	25,55	23,9	
8	12A3	HUỲNH NGỌC KHÁNH NGUYỄN	8,8	7,25	6,75	8,25	8,5				8,40	23,8	23,95	25,55	24,45	
9	12A9	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	9	5	4	9	7,5				8,20	22	21,20	25,5	22,2	
10	12A2	ĐOÀN TRẦN THỰC ANH	8,8	7,5	5,5	8,25	8,25				8,80	22,55	23,10	25,3	25,1	
TOP 10 KHỐI D (T-V-A)																
1	12A16	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	8,8	8,75				8,75	7,75	9,25	9,40				26,95	25,25
2	12A2	PHẠM MAI THANH BÌNH	8,8	8,5	5,75	7,25	5,75				9,40	21,8	23,95	21,8	26,7	
3	12A2	HÀ TẤN ĐẠT	8,6	8,5	9,25	6,25	6				9,40	24,1	27,25	20,85	26,5	
4	12A3	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	8,4	8,25	9,25	6,5	4,75				9,60	24,15	27,25	19,65	26,25	
5	12A5	CAO CÁC TƯỜNG	8,6	8,25	8,25	7,75	6,5				9,40	24,6	26,25	22,85	26,25	
6	12A1	KIỀU THỊ TUYẾT ANH	8,2	8,5	7	6,25	5				9,40	21,45	24,60	19,45	26,1	
7	12A2	HỒNG CẨM NGUYỄN	9,2	8,25	6,5	6,75	6,5				8,60	22,45	24,30	22,45	26,05	
8	12A3	HOÀNG NGỌC MAI	9,2	7,75	7,75	8,25	6,75				9,00	25,2	25,95	24,2	25,95	
9	12A2	PHAN NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	8,6	8,5	5,5	6,5	5,75				8,80	20,6	22,90	20,85	25,9	
10	12A3	LÊ THANH XUÂN	8,2	8,5	8	7,25	7,25				9,20	23,45	25,40	22,7	25,9	
TOP 10 KHỐI C (V-S-D)																
1	12A14	NGUYỄN DƯƠNG ANH KIẾT	7,4	8,25				9,5	9,25	9,5	9,20				24,85	27
2	12A15	NGUYỄN VÕ TRÚC GIANG	8,2	8,25				9,75	9	9,25	7,40				23,85	27
3	12A15	TRẦN THANH TRÀ	8,2	8,75				9	9	9,25	8,20				25,15	26,75
4	12A15	LÊ NGUYỄN THẢO NGÂN	8	8,5				9,5	8,25	9	7,60				24,1	26,25
5	12A18	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG UYÊN	7	8,75				9,25	8,25	9,25	7,80				23,55	26,25
6	12A14	ĐINH QUỐC KHÁNH LĨNH	7,6	8,75				9	8,25	9,75	9,00				25,35	26
7	12A18	ĐỖ NGỌC NHÌ	5	7,5				9,5	9	9,5	8,40				20,9	26
8	12A14	PHAN PHƯỢNG MAI	9	8				9,25	8,5	9,25	8,60				25,6	25,75
9	12A14	NGUYỄN TRẦN KIỀU DUNG	8,2	8,5				8,75	8,5	9,5	8,20				24,9	25,75
10	12A15	HỒ THANH NHƯ NGỌC	8	7,75				8,5	9,5	10	8,80				24,55	25,75
11	12A15	TRẦN XUÂN MAI	8,2	8,25				9	8,5	9,25	8,60				25,05	25,75